

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 9 - 2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về thời gian xét xử sơ thẩm số 203/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Liên Hiệp, xã ĐL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã XPh, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, chị D và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 15/02/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh L không quan tâm, chia sẻ, tôn trọng chị D, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Chị D và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Anh T (giới tính: nam), sinh ngày: 17/8/2016. Cháu T hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu chứng cứ mà chị D đã cung cấp để giải quyết theo quy định.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh L để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L. Anh L cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tại phiên tòa anh L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh L.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh L; Về con chung: Giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh L chưa phải cấp dưỡng do chị D chưa yêu cầu, anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí buộc chị D phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh L. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh L nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị D và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị D và anh L được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị D cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh L không thể hàn gắn, chị D không thể tiếp tục sống chung với anh L được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị D và anh L nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị D vẫn cương quyết ly hôn, không thay đổi lời khai, kết hợp với kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh L của tòa án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh L thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị D và L đã ly thân rất lâu từ năm 2019 cho đến nay. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị D và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị D yêu cầu xin ly hôn với anh L là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Cho chị D và anh L được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Anh T (giới tính: nam), sinh ngày: 17/8/2016. Cháu T hiện đang sống chung với chị D. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T. Xét

thấy, từ khi chị D và anh L ly thân cho đến nay, cháu T sống chung với chị D, được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu T nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn do chị D chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị D khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T (giới tính: nam), sinh ngày: 17/8/2016 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng

nuôi cháu T do chị D chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị D khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo lai thu số 0006790 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã ĐL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã X Ph, huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp